

**TIÊU BANG CALIFORNIA
NHA DOANH NGHIỆP
SO SÁNH CÁC ĐẶC ĐIỂM KHOẢN VAY MUA NHÀ MẪU: GIAO DỊCH VAY MUA NHÀ TIÊU BIỂU**

(Ghi chú cho người vay: Thông tin dưới đây chỉ cung cấp ước tính và những mẫu tình huống trả nợ và số dư nợ. Người vay nên xem xét kỹ lưỡng tất cả các văn bản vay nợ để xác định số tiền vay thực tế, lãi suất và tình huống khoản vay của mình.)

	Khoản Vay gốc và Lãi	Chi Trả Lãi	Vay Mua Nhà Lãi suất Có thể Điều chỉnh loại 5/1 ARM	Chi Trả Lãi	Trả nợ Tùy chọn	Số tiền vay đề nghị Loại Nợ: _____ Loại trả nợ dần:
SỐ TIỀN VAY ĐỀ NGHỊ \$ _____ KỶ HẠN ____ - NĂM	Lãi suất Cố định (____%)	Lãi suất Cố định (____%) Chi Trả Lãi trong 5 Năm Đầu tiên	Lãi suất Cố định cho 5 Năm Đầu tiên; Có thể Điều chỉnh Mỗi Năm sau 5 Năm Đầu tiên (Lãi suất Khởi đầu cho 1 tới 5 là ____%; Lãi suất Tối đa là ____%)	Chi Trả Lãi và Lãi suất Cố định cho 5 Năm Đầu tiên; Lãi suất Có thể Điều chỉnh Mỗi Năm sau 5 Năm Đầu tiên (Lãi suất Khởi đầu cho 1 tới 5 là ____%; Lãi suất Tối đa là ____%)	Lãi suất Có thể Điều chỉnh cho Toàn bộ Kỳ hạn của Khoản Vay Mua Nhà (Lãi suất trong tháng 1 1,125%; Lãi suất từ tháng 2 tới năm 5 là ____%; Lãi suất Tối đa là ____%)	Giải thích Loại Sản phẩm Cho Vay Đề nghị:

Các Tình huống Trả nợ

Mức trả Tối thiểu Hàng tháng từ Năm 1 tới 5 trừ khi như quy định	\$ _____ *	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____ *** (chỉ năm thứ nhất)	\$ _____
Mức trả Hàng tháng trong Năm 6 mà không thay đổi lãi suất	\$ _____	\$ _____ **	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Mức trả Hàng tháng trong Năm 6 với lãi suất tăng 2%	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Mức trả Tối thiểu Hàng tháng	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Tổng Lợi tức của Bạn	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Mức chênh lệch	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Mức trả Tối đa Hàng tháng trong Năm 6 với lãi suất tăng 5%	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Tổng Lợi tức của Bạn	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Mức chênh lệch	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____

Các Tình huống Số Dư nợ

Sẽ còn nợ bao nhiêu sau 5 năm?	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____	\$ _____
Số dư nợ có giảm xuống sau 5 năm trả nợ?	Có Số dư nợ đã giảm được \$ _____	Không Số dư nợ đã không giảm đi	Có Số dư nợ đã giảm được \$ _____	Không Số dư nợ đã không giảm đi.	Không Số dư nợ đã tăng lên	Không/ Có Số dư Nợ: đã không thay đổi/đã tăng lên/đã giảm xuống

- * Số này minh họa cho một lãi suất và các mức trả nợ được giữ cố định trong suốt thời gian vay tiền.
- ** Số này minh họa cho các mức trả nợ được giữ cố định sau năm năm đầu tiên của khoản vay ở một mức cao hơn vì chúng bao gồm cả khoản vay gốc và tiền lãi.
- *** Số này minh họa cho các mức trả nợ tối thiểu hàng tháng dựa trên một lãi suất có hiệu lực chỉ trong tháng đầu tiên. Các khoản trả nợ bắt buộc trong năm đầu tiên sẽ không đủ để trả hết toàn bộ tiền lãi đáo hạn khi lãi suất tăng trong tháng thứ hai của khoản vay. Bất cứ khoản tiền lãi chưa trả nào sẽ được cộng vào số dư nợ. Các mức trả nợ tối thiểu từ năm 2 tới năm 5 được dựa trên lãi suất cao hơn có hiệu lực vào thời điểm đó, tùy thuộc vào bất cứ mức giới hạn nào trong hợp đồng về gia tăng mức trả nợ. Các mức trả nợ tối thiểu sẽ được tính toán lại sau 5 năm, hoặc khi số dư nợ đạt tới một mức giới hạn nào đó, để trả cả khoản vay gốc và tiền lãi ở lãi suất hiệu lực.